

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 377/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 17/7/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Hoàng Thị Thoa**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Chu Thị Tuyết**

Bà Hoàng Thị Xuân Hường

- Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Thị Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Tố Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐXX - ST ngày 24 tháng 6 năm 2020; Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H – Sinh năm 1974

ĐKKHKT: Số 8, Ngõ 32, phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Phùng Đức B – Sinh năm 1971

ĐKKHKT: xã A, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Hiện đang tạm trú tại: Số C, đường D, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

(Tại phiên tòa bà H, ông B có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:

Bà và bị đơn là ông Phùng Đức B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội ngày 28/10/2003, cả ông bà đều kết hôn lần đầu. Sau khi kết

hôn ông bà sống cùng nhau tại số 8, ngõ 32, Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cách sống không hòa hợp, bất đồng trong cách dạy dỗ, giáo dục con cái, ông B tính tình bảo thủ, hay uống rượu rồi xúc phạm chửi bới vợ con, có lúc còn đánh vợ. Mâu thuẫn kéo dài trầm trọng nhiều năm, bà đã cho ông B nhiều cơ hội để thay đổi tính cách nhưng ông B không thay đổi dẫn đến vợ chồng căng thẳng không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân nhau từ tháng 7/2019, mỗi người ở một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phùng Đức B.

- Về con chung: Bà H xác nhận ông bà có 02 con chung là Phùng Lê D, sinh ngày 30/12/2003 và Phùng Thanh G, sinh ngày 27/3/2006. Hiện cháu G đang ở với bà H, cháu Duy hiện đang ở với ông B. Ly hôn bà H xin nuôi cả hai con chung không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Thu nhập bà H khai 30.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung, về nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề gì khác.

* Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án, bị đơn là ông Phùng Đức B trình bày:

Ông và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội ngày 28/10/2003, cả hai đều kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại số X, đường Y, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng không có gì mâu thuẫn lớn, chỉ là những bất đồng quan điểm phát sinh trong sinh hoạt hàng ngày về vấn đề nuôi dạy, giáo dục con cái. Theo ông B mâu thuẫn lớn nhất chính là ông với gia đình bên mẹ đẻ bà H vì mẹ bà H xúc phạm và không có sự tôn trọng ông. Tháng 7/2019 vợ chồng xảy ra cãi nhau nên bà H bỏ nhà đi về nhà mẹ đẻ ở, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Ông B đã tìm mọi biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng, nhiều lần đề nghị bà H quay về đoàn tụ nhưng không có kết quả, hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 7/2019. Nay bà H xin ly hôn ông không đồng ý vì ông cho rằng vẫn còn tình cảm với bà H.

- Về con chung: Ông B xác nhận ông bà có 02 con chung là Phùng Lê D, sinh ngày 30/12/2003 và Phùng Thanh G, sinh ngày 27/3/2006. Hiện nay vợ chồng ly thân nên cháu G đang ở với bà H, cháu Duy đang ở với ông B. Nếu ly hôn, ông B xin nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi

con chung. Ông B khai thu nhập 15.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra ông B không có yêu cầu gì khác.

* Tại phiên tòa.

- Bà H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông B vì bà H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài trầm trọng từ nhiều năm, vợ chồng không thể hàn gắn được mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình, tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H cần phải ổn định cuộc sống để nuôi hai con chung nên đề nghị xin được ly hôn với ông B.

Về con chung: bà H xin được nuôi cả hai con chung là Phùng Lê D, sinh ngày 30/12/2003 và Phùng Thanh G, sinh ngày 27/3/2006, bà H không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Các vấn đề khác bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Phùng Đức B không đồng ý ly hôn với bà H vì theo ông vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, mặc dù hai vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 7/2019, ông đã nhiều lần nói chuyện và đề nghị bà H quay về đoàn tụ nhưng bà H cương quyết không quay về, tuy nhiên ông vẫn còn tình cảm với bà H nên không chấp nhận ý kiến xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Nếu phải ly hôn ông đề nghị xin được nuôi cả hai con chung là Phùng Lê D, sinh ngày 30/12/2003 và Phùng Thanh G, sinh ngày 27/3/2006 và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ông; Tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung và các vấn đề khác ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán đã tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Hội đồng xét xử đã tuân thủ nghiêm túc các quy định, thủ tục tại phiên tòa đảm bảo quyền và nghĩa vụ của đương sự tham gia tranh tụng. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy bà H, ông B kết hôn hợp pháp, trong quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, trầm trọng, bà H xin ly hôn ông B không đồng ý ly hôn nhưng ông không có biện pháp tích cực nào để cải thiện

quan hệ vợ chồng, hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 7/2019 vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Phùng Đức B, bà H được ly hôn với ông B. Về con chung: Giao con chung là Phùng Thanh G, sinh ngày 27/3/2006 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phùng Lê D, sinh ngày 30/12/2003 cho ông Phùng Đức B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cả hai con chung trưởng thành, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau cho đến khi có sự thay đổi khác và đều quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung bà H, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Các vấn đề khác không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện bà Lê Thị H xin ly hôn đối với ông Phùng Đức B là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị H và ông Phùng Đức B cùng cư trú tại quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Phùng Đức B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội ngày 28/10/2003, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, mâu thuẫn đã kéo dài trầm trọng nhiều năm, bản thân hai vợ chồng cũng đã có nhiều biện pháp đưa ra để cải thiện quan hệ vợ chồng tuy nhiên đều không có kết quả, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 7/2019, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng không thành, tại phiên hòa giải lần thứ hai ông B không hợp tác, đến Tòa án làm việc nhưng lại tự ý bỏ về không ký biên bản, điều này thể hiện ông B không có thiện chí hòa giải để cải thiện quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa bà H vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với ông B vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn. Tại phiên tòa ông B vẫn không đồng ý ly hôn mặc dù xác nhận hai

vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ tháng 7/2019, không ai quan tâm đến ai nữa. Ngoài lời khai của hai bên, tại bản xác nhận tình trạng chung sống vợ chồng của tổ trưởng dân phố nơi bà H ông B cư trú thể hiện vợ chồng ông bà chưa tôn trọng lẫn nhau, ông B tính tình nóng nảy cũng có lúc mắng chửi vợ con và xảy ra xô xát, hai vợ chồng không có tiếng nói chung và đã hòa giải nhưng không thành. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã kéo dài trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không yêu thương, quý trọng nhau. Do vậy chấp nhận yêu cầu của bà H xin được ly hôn với ông B là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

* Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Phùng Đức B có hai con chung là Phùng Lê D, sinh ngày 30/12/2003 và Phùng Thanh G, sinh ngày 27/3/2006. Trong thời gian ông bà ly thân nhau cháu G đang ở với bà H, cháu Duy đang ở với ông B. Ly hôn cả bà H và ông B đều xin nuôi hai con chung, mặc dù cả hai con chung đều có đơn trình bày nguyện vọng ở với bà H, tuy nhiên xét đến điều kiện thực tế hiện nay mỗi người đang nuôi một con, các con đang sống ổn định bình thường, cả bà H và ông B đều có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con nên giao cho mỗi người nuôi một con là công bằng về quyền và nghĩa vụ của hai bên và hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Cần giao cháu Phùng Thanh G, sinh ngày 27/3/2006 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phùng Lê D, sinh ngày 30/12/2003 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau cho đến khi có sự thay đổi khác.

* Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung và các vấn đề khác: Bà H, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tại phiên tòa phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Phùng Đức B. Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Phùng Đức B.

2. Về con chung: Giao con chung là Phùng Lê D, sinh ngày 30/12/2003 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Phùng Thanh G, sinh ngày 27/3/2006 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau cho đến khi cả hai con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Hai bên đều được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Bà Lê Thị H và ông Phùng Đức B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về các vấn đề khác: Bà Lê Thị H và ông Phùng Đức B không yêu cầu nên không xét.

5. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số AA/2016/0006937 ngày 10/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm bà H, ông B có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- Nơi cấp ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thoa

